

Số: 382 /BC-UBND

Sơn Kỳ, ngày 30 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết hoạt động của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 và Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp thôn trên địa bàn xã Sơn Kỳ
(Kỳ báo cáo: Ngày 01/7/2025 đến hết ngày 15/9/2026)

Thực hiện Công văn số 9797/UBND-KGVX ngày 23/9/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về tổ chức sơ kết hoạt động của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 và Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp thôn, tô dân phố; UBND xã Sơn Kỳ báo cáo kết quả thực hiện từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 15/9/2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH, CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CHỈ ĐẠO

1. Tình hình tổ chức các Tổ tại cơ sở

- Trên địa bàn xã có 10 thôn; UBND xã đã thành lập 10/10 Tổ Công nghệ số cộng đồng, đạt 100%. Xã không thành lập riêng Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tại thôn; các Tổ Công nghệ số cộng đồng đồng thời phối hợp, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 tại cơ sở, qua đó hạn chế trùng lặp về tổ chức, nhân lực và chế độ báo cáo.

- Tổng số thành viên của 10 Tổ là 80 người, bình quân 08 người/Tổ. Thành phần chủ yếu gồm Trưởng thôn làm Tổ trưởng, Bí thư Chi bộ, Bí thư Chi đoàn, đại diện các chi hội, đoàn thể và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Sau khi rà soát, sắp xếp lại các thôn, UBND xã đã kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng theo Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 13/8/2026, bảo đảm phù hợp địa bàn và lực lượng tại chỗ.

- Các Tổ cơ bản duy trì hoạt động, phát huy lực lượng tại chỗ và chế độ kiêm nhiệm; nội dung tuyên truyền, hướng dẫn được lồng ghép trong họp thôn, sinh hoạt cộng đồng và các đợt cao điểm. Cách làm này phù hợp với địa bàn miền núi, dân cư phân tán, giúp người dân được tiếp cận, hỗ trợ trực tiếp ngay tại cơ sở; tuy nhiên mức độ hoạt động giữa các thôn chưa thật đồng đều.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- UBND xã đã ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng tại các thôn trên địa bàn xã; đồng thời cũng kịp thời kiện toàn lại sau khi sắp xếp, tổ chức lại thôn theo Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 13/8/2026.

- Phòng Văn hóa – Xã hội được giao tham mưu công tác chuyển đổi số và theo dõi hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng. UBND xã duy trì cơ chế phối hợp giữa Công an xã, các cơ quan chuyên môn, các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc và cá nhân liên quan trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực

tuyển, thanh toán trực tuyến, kích hoạt định danh điện tử VNeID mức 2, cài đặt ứng dụng số (App Công dân C-Quangngai), vận động người dân tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, vận động nhân dân tích hợp thông tin lên VNeID (bảo hiểm xe máy, giấy phép lái xe, hồ sơ sức khỏe điện tử, đăng ký thông tin nơi cư trú...).

- Đối với từng đợt cao điểm về VNeID, dịch vụ công trực tuyến, Phong trào “Bình dân học vụ số”, Cuộc thi tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW và các nhiệm vụ chuyển đổi số, UBND xã giao cơ quan chuyên môn phối hợp Công an xã, Đoàn Thanh niên, Tổ Công nghệ số cộng đồng và Ban cán sự thôn tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân thực hiện; kết quả được tổng hợp qua giao ban và báo cáo định kỳ.

- Kết quả chung: năm 2025 có 2.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân tham gia học tập trên nền tảng Bình dân học vụ số; năm 2026 ghi nhận 193 người tham gia Bình dân học vụ số và 415 người tham gia Cuộc thi tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW. Riêng hoạt động phổ cập kỹ năng số trong kỳ báo cáo, các Tổ đã hướng dẫn 400 lượt người; các số liệu được theo dõi theo từng nội dung, không cộng gộp để tránh trùng lặp.

- Tổ Công nghệ số cộng đồng trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ 805 lượt người thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trong đó Tổ trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ 150 hồ sơ trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phối hợp với Đoàn xã. Công tác kiểm tra, đôn đốc được thực hiện qua giao ban và báo cáo định kỳ.

3. Công tác tập huấn, bảo đảm điều kiện hoạt động

- UBND xã chỉ đạo triển khai đến các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng tham gia tập huấn tại điểm cầu UBND xã theo các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, với 80/80 thành viên được tập huấn, bồi dưỡng (đạt 100%). Nội dung: Đề án 06, VNeID, dịch vụ công trực tuyến, kỹ năng số cơ bản, thanh toán trực tuyến, an toàn thông tin, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng và các nền tảng, tiện ích số.

- UBND xã chỉ đạo thành viên Tổ tăng cường tuyên truyền Phong trào “Bình dân học vụ số” đến từng thôn, hỗ trợ người dân tham gia học tập trên nền tảng Bình dân học vụ số để nâng cao kỹ năng số cơ bản.

- Về kinh phí, do nguồn kinh phí hạn chế nên xã chưa bố trí, huy động kinh phí phục vụ hoạt động của các Tổ; thành viên Tổ chủ yếu thực hiện theo tinh thần xung kích, tự nguyện, kiêm nhiệm.

- Về hạ tầng, xã đã phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông duy trì vùng phủ sóng di động 4G trên địa bàn. Tuy nhiên, điều kiện thiết bị và đường truyền Internet cố định phục vụ hoạt động tại một số điểm thôn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hỗ trợ người dân thường xuyên. UBND xã tiếp tục đề nghị doanh nghiệp khắc phục chất lượng kết nối tại các khu vực còn yếu và nghiên cứu phát triển hạ tầng 5G phù hợp điều kiện địa phương.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Công tác tuyên truyền, vận động người dân

- Các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp được lồng ghép trong các cuộc họp thôn, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể và sinh hoạt cộng đồng: tổ chức 10 buổi, với 1.015 lượt người được tuyên truyền, hướng dẫn. Bên cạnh hình thức tuyên truyền trực tiếp, các Tổ duy trì việc tuyên truyền, hướng dẫn thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, Trang thông tin điện tử của xã, fanpage, các nhóm Zalo, Facebook do thành viên Tổ và các thôn duy trì. Các nhóm tương tác trực tuyến được sử dụng để kịp thời cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; mức độ tham gia, tương tác tương đối tốt, nhất là trong đoàn viên, thanh niên và cán bộ thôn.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào Đề án 06, tài khoản định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, kỹ năng số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhận diện tin giả và phòng tránh lừa đảo trên không gian mạng.

- Các Tổ đồng thời tuyên truyền, vận động người dân hưởng ứng các đợt cao điểm, chương trình chuyển đổi số do Trung ương, tỉnh và địa phương phát động; chú trọng hướng dẫn theo nhu cầu thực tế thay vì chỉ tuyên truyền chung.

- Phương thức tuyên truyền từng bước được đổi mới, kết hợp giữa tuyên truyền tập trung với hướng dẫn trực tiếp tại hộ gia đình và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã. Thành viên các Tổ phối hợp với Ban cán sự thôn chủ động tiếp cận, hỗ trợ các trường hợp còn hạn chế về kỹ năng số, nhất là người cao tuổi, người dân tộc thiểu số, góp phần đưa các tiện ích số đến gần hơn với người dân theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà”

2. Hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến

- Các Tổ Công nghệ số cộng đồng phối hợp với Đoàn xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công xã tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và ứng dụng VNeID để thực hiện thủ tục hành chính, nộp hồ sơ và thanh toán trực tuyến. Trong kỳ, đã hướng dẫn, hỗ trợ khoảng 805 lượt người, trong đó các Tổ Công nghệ số cộng đồng trực tiếp hỗ trợ 150 hồ sơ trực tuyến. Các nhóm thủ tục được người dân đề nghị hướng dẫn chủ yếu gồm: hộ tịch, chứng thực, bảo trợ xã hội, đất đai và người có công.

- Đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn và người còn hạn chế về kỹ năng số, các Tổ ưu tiên hướng dẫn trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và tại hộ gia đình, phù hợp với điều kiện và khả năng tiếp cận công nghệ của từng trường hợp.

- Qua thực tế triển khai, một số khó khăn người dân thường gặp là chưa có điện thoại thông minh, điều kiện kết nối Internet tại một số thôn còn hạn chế và thao tác trên các ứng dụng số còn phức tạp. Trong kỳ, không phát sinh trường hợp phản ánh, kiến nghị hoặc yêu cầu hỗ trợ riêng gửi đến Tổ Công nghệ số cộng đồng; các vướng mắc trong quá trình thực hiện được thành viên Tổ phối hợp với cán bộ Trung tâm Phục vụ hành chính công xã hướng dẫn, giải đáp trực tiếp, góp

phần tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số.

3. Hướng dẫn sử dụng VNeID, định danh điện tử và các tiện ích công dân số

- Theo số liệu của Công an xã, đã cấp Căn cước cho 11.963/12.223 trường hợp, đạt khoảng 97,9%; cấp định danh cá nhân 9.153/11.258 trường hợp, đạt khoảng 81,3%; kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID 9.468/9.802 trường hợp, đạt khoảng 96,6%. Kết quả cho thấy tỷ lệ kích hoạt VNeID ở nhóm đã đủ điều kiện khá cao, song số trường hợp chưa được cấp định danh cá nhân vẫn cần tiếp tục rà soát, vận động và hỗ trợ.

- Tổ Công nghệ số cộng đồng phối hợp Công an xã tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân kích hoạt, đăng nhập, sử dụng VNeID tại các đợt cao điểm, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và các thôn.

- Hướng dẫn người dân sử dụng các tiện ích trên VNeID như giấy phép lái xe, bảo hiểm, hồ sơ sức khỏe điện tử, thông tin cư trú được lồng ghép trong các buổi tuyên truyền và hỗ trợ trực tiếp.

- Các trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc được thành viên Tổ hướng dẫn, giải đáp trực tiếp hoặc phối hợp Công an xã hỗ trợ xử lý.

4. Phổ cập kỹ năng số cho người dân

Tổ Công nghệ số cộng đồng hướng dẫn 400 lượt người các kỹ năng số cơ bản như sử dụng điện thoại thông minh, Internet và các nền tảng số phục vụ đời sống; nội dung được lồng ghép trong các buổi tuyên truyền, họp thôn và hỗ trợ trực tiếp. Thành viên Tổ tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia học tập trên nền tảng Bình dân học vụ số, đồng thời phổ biến kỹ năng bảo vệ tài khoản, dữ liệu cá nhân, nhận diện tin giả và phòng tránh lừa đảo trực tuyến.

5. Hỗ trợ phát triển kinh tế số, xã hội số tại cộng đồng

- Việc hỗ trợ ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế số tại cộng đồng mới chủ yếu ở mức tuyên truyền, hướng dẫn lồng ghép về quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm; trong kỳ chưa ghi nhận trường hợp cụ thể do Tổ trực tiếp hỗ trợ ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh. Tổ đã hướng dẫn 30 lượt người về thanh toán không dùng tiền mặt. Đối với chi trả an sinh xã hội qua tài khoản, đã có 207/863 đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện, đạt khoảng 24,0%; đây là nội dung cần tiếp tục tập trung vận động, hỗ trợ trong thời gian tới.

6. Tham gia làm sạch, bổ sung, cập nhật dữ liệu phục vụ Đề án 06

- Tổ Công nghệ số cộng đồng phối hợp Công an xã tuyên truyền, vận động người dân cung cấp, cập nhật thông tin phục vụ làm sạch dữ liệu dân cư, cấp Căn cước, định danh cá nhân và kích hoạt tài khoản VNeID; đồng thời phối hợp rà soát thông tin liên quan đến hộ tịch, an sinh xã hội, bảo hiểm, y tế theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Trong kỳ báo cáo, chưa thống kê riêng được số trường hợp dữ liệu phát hiện cần điều chỉnh/bổ sung và số trường hợp đã phối hợp xử lý, cập nhật; vì vậy Phụ lục ghi 0 trường hợp theo số liệu theo dõi hiện có. Thời gian tới cần thiết lập sổ theo dõi hoặc biểu tổng hợp thống nhất để lượng hóa đầy đủ kết quả tham gia làm sạch dữ liệu của từng Tổ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật

- 10/10 thôn đã có Tổ Công nghệ số cộng đồng, với 80/80 thành viên được tập huấn, bồi dưỡng. Trong kỳ, các Tổ tổ chức 10 buổi tuyên truyền với 1.015 lượt người tham gia; hỗ trợ 805 lượt người thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trong đó trực tiếp hướng dẫn 150 hồ sơ; hướng dẫn 780 lượt người cài đặt, kích hoạt, sử dụng VNeID, 1.500 lượt người khai thác thông tin, giấy tờ và tiện ích số trên VNeID; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho 400 lượt người.

- Công tác phối hợp với Công an xã trong thực hiện Đề án 06 đạt một số kết quả rõ nét: tỷ lệ cấp Căn cước đạt khoảng 97,9%, kích hoạt tài khoản VNeID đạt khoảng 96,6% trên số trường hợp thuộc diện thống kê. Có 415 người tham gia Cuộc thi tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW; 207/863 đối tượng bảo trợ xã hội nhận trợ cấp không dùng tiền mặt qua tài khoản. Những kết quả này góp phần mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ số, nhưng tỷ lệ chi trả an sinh không dùng tiền mặt và cấp định danh cá nhân vẫn còn dư địa cần tiếp tục cải thiện.

- Hoạt động của các Tổ đã từng bước phát huy vai trò “cánh tay nối dài” của chính quyền ở cơ sở trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID và kỹ năng số; đặc biệt có ý nghĩa đối với người cao tuổi, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số và người còn hạn chế kỹ năng công nghệ trên địa bàn miền núi.

2. Mô hình hay, cách làm hiệu quả

Trong kỳ báo cáo chưa hình thành mô hình, sáng kiến độc lập để thống kê là “mô hình” theo Phụ lục (0 mô hình); tuy nhiên đã duy trì một số cách làm phù hợp, có hiệu quả thực tế:

- Duy trì điểm hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tra cứu thông tin tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; lồng ghép hỗ trợ tại các điểm sinh hoạt cộng đồng khi có điều kiện.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Tổ để hỗ trợ, hướng dẫn người dân làm thủ tục, quy trình trực tuyến.

- Duy trì, thành lập nhóm Zalo để kịp thời thông báo, tuyên truyền.

- Duy trì cách làm "đi từng ngõ, gõ từng nhà": thành viên Tổ phối hợp ban cán sự thôn hỗ trợ trực tiếp tại hộ gia đình, ưu tiên người cao tuổi, người hạn chế kỹ năng số, đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hoạt động giữa các Tổ chưa đồng đều; một số thành viên kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, kỹ năng số và khả năng hướng dẫn chuyên sâu còn hạn chế. Một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và người ít sử dụng thiết bị thông minh còn gặp khó khăn khi thao tác trên nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến.

- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tại thôn còn thiếu; chưa có máy tính chuyên dùng cho Tổ, chất lượng/kết nối Internet cố định tại một số điểm chưa đáp ứng yêu cầu. Kinh phí riêng cho hoạt động của các Tổ chưa được bố trí; việc hỗ trợ chủ yếu dựa vào tinh thần trách nhiệm, xung kích và nguồn lực sẵn có.

- Công tác thống kê, theo dõi kết quả có thời điểm chưa chặt chẽ; một số chỉ tiêu chưa lượng hóa được, nhất là kết quả làm sạch dữ liệu và hỗ trợ ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh. Nguyên nhân chủ yếu là địa bàn miền núi rộng, dân cư phân tán; hạ tầng, thiết bị và điều kiện kinh tế của người dân còn hạn chế; thành viên Tổ hoạt động kiêm nhiệm, chưa có kinh phí và công cụ theo dõi thống nhất.

4. Đánh giá mô hình tổ chức

- Mô hình 10 Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp thôn đồng thời phối hợp hỗ trợ nhiệm vụ Đề án 06 là phù hợp điều kiện thực tế của xã sau sắp xếp, giúp tránh phát sinh thêm đầu mối và tận dụng lực lượng nòng cốt tại cơ sở. Việc theo dõi, chỉ đạo các nhiệm vụ Đề án 06 được thực hiện tập trung ở cấp xã.

- Ưu điểm là gọn đầu mối, hạn chế trùng lặp nhân sự và báo cáo, phát huy lực lượng tại chỗ; hạn chế là thành viên phải kiêm nhiệm nhiều việc và mức độ chuyên sâu về kỹ năng số chưa cao. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì mô hình hiện có, đồng thời kiện toàn nhân sự, chuẩn hóa nhiệm vụ, tăng cường tập huấn và áp dụng bộ chỉ tiêu định lượng đơn giản để đánh giá thực chất kết quả từng Tổ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

- Rà soát, kiện toàn 10/10 Tổ; phân công rõ người, rõ nhiệm vụ, rõ địa bàn, rõ sản phẩm và trách nhiệm báo cáo. Xây dựng lịch hoạt động tối thiểu theo tháng/quý, gắn kết quả của Tổ với nhiệm vụ chuyển đổi số và Đề án 06 của xã.

- Chuẩn hóa biểu theo dõi định lượng đối với các chỉ tiêu: số lượt tuyên truyền; số người/hồ sơ được hỗ trợ dịch vụ công; VNeID; kỹ năng số; thanh toán không dùng tiền mặt; làm sạch dữ liệu; hỗ trợ hộ kinh doanh. Thực hiện tổng hợp, đối chiếu số liệu định kỳ, bảo đảm không trùng lặp giữa các lực lượng.

- Tổ chức bồi dưỡng theo hướng “cầm tay chỉ việc” cho thành viên Tổ về VNeID, dịch vụ công trực tuyến, kỹ năng số cơ bản, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và nhận diện lừa đảo; ưu tiên những thành viên trực tiếp hỗ trợ người dân tại thôn.

- Tập trung hỗ trợ các nhóm còn khó tiếp cận công nghệ: người cao tuổi, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ khó khăn và người chưa có kỹ năng số; duy trì cách làm “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, kết hợp hỗ trợ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và tại thôn.

- Phối hợp Công an xã tiếp tục rà soát các trường hợp chưa hoàn thành cấp định danh cá nhân, kích hoạt và sử dụng VNeID; tham gia làm sạch, cập nhật dữ liệu theo từng chuyên đề. Đẩy mạnh chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt, phân đầu tăng rõ tỷ lệ 207/863 đối tượng hiện đã thực hiện.

- Từng bước phát huy vai trò của Tổ trong phát triển kinh tế số, xã hội số: hướng dẫn hộ kinh doanh, hộ sản xuất quảng bá sản phẩm, sử dụng mã QR, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số phù hợp. Đồng thời rà soát nhu cầu máy tính, thiết bị, đường truyền tại từng thôn để xây dựng phương án bố trí, huy động hoặc đề xuất hỗ trợ theo khả năng nguồn lực.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu cơ chế, nguồn lực hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp thôn phù hợp quy định; quan tâm địa bàn miền núi, vùng có điều kiện hạ tầng và khả năng tiếp cận công nghệ còn hạn chế.

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, an toàn thông tin; cung cấp tài liệu, biểu mẫu theo dõi thống nhất; hỗ trợ kỹ thuật và kết nối doanh nghiệp viễn thông để cải thiện chất lượng hạ tầng, thiết bị phục vụ hoạt động của Tổ tại cơ sở.

Ủy ban nhân dân xã kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Công an tỉnh;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu VT, VHXXH.

CHỦ TỊCH



Trần Đình Trân



THỐNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG VÀ TỔ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06 CẤP THÔN

(Kèm theo Báo cáo số **382**BC-UBND ngày **30** tháng 9 năm 2026 của UBND xã Sơn Kỳ)

Lưu ý: Trường hợp hai Tổ kiêm nhiệm, hợp nhất hoặc cùng thực hiện một kết quả thì chỉ thống kê một lần; ghi rõ tại cột "Ghi chú" để tránh trùng số liệu.

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổ CNSCĐ	Tổ công tác ĐA06	Ghi chú
1	Tổng số thôn trên địa bàn	địa bàn	10		
2	Số Tổ Công nghệ số cộng đồng đã thành lập	Tổ	10		
3	Số Tổ Công tác triển khai Đề án 06 cấp thôn, tổ dân phố đã thành lập	Tổ	0		
4	Số địa bàn tổ chức kiêm nhiệm/hợp nhất hoặc cùng một lực lượng thực hiện nhiệm vụ của cả hai Tổ	địa bàn	10		
5	Tổng số thành viên tham gia các Tổ	người	80		
6	Số thành viên đã được tập huấn, bồi dưỡng	người	80		
7	Số Tổ hoạt động thường xuyên	Tổ	10		
8	Số Tổ hoạt động chưa thường xuyên/thực tế không hoạt động	Tổ	0		
9	Số buổi tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp	buổi	10		
10	Số lượt người được tuyên truyền, hướng dẫn	lượt	1.015		
11	Số lượt người được hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến	lượt	805		

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổ CNSCĐ	Tổ công tác ĐA06	Ghi chú
12	Số hồ sơ trực tuyến được Tổ trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ	hồ sơ	150		
13	Số lượt người được hướng dẫn cài đặt, kích hoạt, sử dụng VNeID	lượt	780		
14	Số lượt người được hướng dẫn sử dụng thông tin, giấy tờ, tiện ích số trên VNeID	lượt	1.500		
15	Số lượt/người được phổ cập kỹ năng số cơ bản	lượt/người	400		
16	Số lượt/người được hỗ trợ tham gia Bình dân học vụ số	lượt/người	400		
17	Số trường hợp dữ liệu được rà soát, phát hiện cần điều chỉnh/bổ sung	trường hợp	0		
18	Số trường hợp dữ liệu đã được phối hợp xử lý, cập nhật	trường hợp	0		
19	Số hộ kinh doanh/người dân được hỗ trợ ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh	trường hợp	0		
20	Số lượt người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	lượt	30		
21	Số mô hình, sáng kiến do Tổ tham gia triển khai	mô hình	0		
22	Số yêu cầu hỗ trợ, phản ánh, kiến nghị của người dân được tiếp nhận	trường hợp	0		
23	Số yêu cầu hỗ trợ, phản ánh, kiến nghị đã được Tổ trực tiếp giải đáp/hỗ trợ	trường hợp	0		
24	Kinh phí bố trí/huy động phục vụ hoạt động của các Tổ	đồng	0		

Danh sách mô hình, cách làm tiêu biểu (kèm theo Phụ lục):

1. Xây dựng điểm hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tra cứu thông tin tại Nhà văn hóa thôn và Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.
2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Tổ để hỗ trợ, hướng dẫn người dân làm thủ tục, quy trình trực tuyến.
3. Duy trì, thành lập các nhóm Zalo, Facebook thôn để kịp thời thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn.
4. Cách làm "đi từng ngõ, gõ từng nhà": hỗ trợ trực tiếp tại hộ gia đình, ưu tiên người cao tuổi, người hạn chế kỹ năng số, đồng bào dân tộc thiểu số.

Danh sách khó khăn, vướng mắc nổi bật (kèm theo Phụ lục):

1. Cơ sở vật chất: các thôn chưa được trang bị máy tính,
2. Hạ tầng Internet: chưa kết nối được.
3. Kinh phí phục vụ hoạt động của Tổ chưa được bố trí (0 đồng).
4. Thành viên Tổ hoạt động kiêm nhiệm, kỹ năng số còn hạn chế, hoạt động chưa đồng đều giữa các thôn.
5. Địa bàn miền núi rộng, dân cư phân tán; người dân (nhất là người cao tuổi) thiếu điện thoại thông minh, gặp khó khăn khi thao tác trên ứng dụng.